

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA

Số: 13/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tư Nghĩa, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 1) cho các xã thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn
ngân sách trung ương và ngân sách huyện)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc ban hành giao Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 1) cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách huyện đối ứng; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 1) cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 12.268,376 triệu đồng trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.432,202 triệu đồng.
- Ngân sách huyện đối ứng: 1.836,174 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa khóa XII, kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Lực



Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CTMTQG NTM NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kế hoạch Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của HĐND huyện Tư Nghĩa)

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư / Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành				Kế hoạch vốn đã giao					Kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 1)				Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19
	Tổng số					26.044,047	19.366,112	978,200	5.699,735	13.775,671	8.933,910	978,200	3.863,561	12.268,376	10.432,202	-	1.836,174	
I	Bổ trí dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng					17.250,827	12.409,066	978,200	3.863,561	13.775,671	8.933,910	978,200	3.863,561	3.475,156	3.475,156	-	-	
I.1	Xã Nghĩa Hiệp					4.229,6	2.360,5	978,2	890,914	3.929,914	2.060,8	978,2	890,914	299,682	299,682	-	-	
1	Sửa chữa tuyến đường từ Gò Danh đi Đồng Phần, xã Nghĩa Hiệp	xã Nghĩa Hiệp	540 m	2022-2023	518, 30/12/2023	1.023,347	618,678	200,000	204,669	995,469	590,800	200,000	204,669	27,878	27,878			
2	Sửa chữa Cầu Bà Siêng thôn Năng Xã	xã Nghĩa Hiệp	540 m	2022-2023	519, 30/12/2023	833,874	138,899	528,200	166,775	804,975	110,000	528,200	166,775	28,899	28,899			
3	Khu thể thao thôn Năng Đồng	xã Nghĩa Hiệp		2022-2023	140, 03/05/2024	449,948	64,964	250,000	134,984	444,984	60,000	250,000	134,984	4,964	4,964			
4	Sửa chữa tuyến đường từ cầu Cà Lê đến ngõ nhà Lương Trợ	xã Nghĩa Hiệp	380 m	2022-2023	154, 14/05/2024	851,589	681,271		170,318	750,318	580,000		170,318	101,271	101,271			
5	Đường bê tông từ máy gạo ông Cấn đi Mương Vọng	xã Nghĩa Hiệp	800 m	2022-2023	520, 30/12/2023	1.070,838	856,670		214,168	934,168	720,000		214,168	136,670	136,670			
I.2	Xã Nghĩa Phương					517,265	413,812	-	103,453	375,078	271,625	-	103,453	142,187	142,187	-	-	
1	KCH Kênh Trạm bơm số 4 thôn Năng Tây 2	xã Nghĩa Phương	500m	2023-2025	298, 03/10/2024	517,265	413,812		103,453	375,078	271,625		103,453	142,187	142,187			
I.3	Xã Nghĩa Thương					884,001	707,201	-	176,800	655,828	479,028	-	176,800	228,173	228,173	-	-	
1	KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bùng Bình)	xã Nghĩa Thương	580m	2024	364, 29/12/2023	884,001	707,201		176,800	655,828	479,028		176,800	228,173	228,173			
I.4	Xã Nghĩa Trung					3.134,272	2.139,018	-	995,254	2.595,254	1.600,000	-	995,254	539,018	539,018	-	-	
1	Khu thể thao thôn An Hà 1	Nghĩa Trung		2023-2024	129, 23/4/2024	987,398	691,179		296,219	977,209	680,990		296,219	10,189	10,189			
2	BTXM Tuyến Ngõ 2 Hưu - Đường sắt	Nghĩa Trung	600m	2023-2024	424, 11/9/2024	1.083,325	597,000		486,325	1.057,542	571,217		486,325	25,783	25,783			
3	Dự án KCH kênh N10-4-2KD	Nghĩa Trung		2024	577, 30/12/2024	1.063,549	850,839		212,710	560,503	347,793		212,710	503,046	503,046			
I.5	Xã Nghĩa Kỳ					884,400	707,520	-	176,880	222,282	45,402	-	176,880	662,118	662,118	-	-	
1	Nâng cấp mặt đường BTXM tuyến ngõ ông Lê Thành Nguyên đến ngõ Hồ Văn Đoàn	Nghĩa Kỳ	400m	2024	18, 13/01/2024	884,400	707,520		176,880	222,282	45,402		176,880	662,118	662,118			
I.6	Xã Nghĩa Hòa					1.044,027	835,221	-	208,806	1.026,406	817,600	-	208,806	17,621	17,621	-	-	
1	BTXM + thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào	xã Nghĩa Hòa	460 m	2023-2025	387, 20/9/2024	1.044,027	835,221		208,806	1.026,406	817,600		208,806	17,621	17,621			
I.7	Xã Nghĩa Thắng					879,526	703,621	-	175,905	287,694	111,789	-	175,905	591,832	591,832	-	-	
1	Kênh N2-6-1-1	xã Nghĩa Thắng	700 m	2023-2025	227, 09/11/2024	879,526	703,621		175,905	287,694	111,789		175,905	591,832	591,832			
I.8	Xã Nghĩa Thuận					1.000,558	800,446	-	200,112	839,298	639,186	-	200,112	161,260	161,260	-	-	
1	KCH Kênh Bm2-2 (Hóc Mực)	Nghĩa Thuận	800 m	2024	240, 21/11/2024	673,949	539,159		134,790	572,776	437,986		134,790	101,173	101,173			
2	KCH kênh N2-VC7-2	Nghĩa Thuận	350 m	2024	239, 21/11/2024	326,609	261,287		65,322	266,522	201,200		65,322	60,087	60,087			
I.9	Xã Nghĩa Lâm					1.445,00	1.156,00	-	289,00	897,48	608,48	-	289,00	547,52	547,52	-	-	
1	Đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS	xã Nghĩa Lâm	850m	2.024	23, 22/01/2024	1.445,0	1.156,0		289,0	897,480	608,48		289	547,520	547,520			
I.10	Xã Nghĩa Điền					1.132,182	905,745	-	226,437	926,437	700,000	-	226,437	205,745	205,745	-	-	
1	KCH kênh N6-5KD	Nghĩa Điền	1058 m	2024	208, 13/9/2024	1.132,182	905,745		226,437	926,437	700,000		226,437	205,745	205,745			
I.11	Xã Nghĩa Sơn					2.100,00	1.680,00	-	420,00	2.020,00	1.600,00	-	420,00	80,00	80,00	-	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành					Kế hoạch vốn đã giao				Kế hoạch vốn năm 2025 (đợt 1)			Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện
7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18	19						
2	Đường BTXM tuyến: Nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 1)	Thôn 2, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	500 m	2023-2025	23, 11/01/2023	1.050	840,0		210,0	1.010	800		210	40.000	40,000			
3	Đường BTXM tuyến: Nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 2)	Thôn 2, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	500 m	2023-2025	91, 04/03/2023	1.050	840,0		210,0	1.010	800		210	40.000	40,000			
II	Bổ trí Dự án khởi công mới năm 2025						8.793,220	6.957,046	0,000	1.836,174	0,000	0,000	0,000	8.793,220	6.957,046	0,000	1.836,174	
II.1	Xã Nghĩa Hiệp						313,250	207,950	0,000	105,300				313,250	207,950	-	105,300	
1	Hệ thống camera an ninh	xã Nghĩa Hiệp		2024-2025	45, 09/01/2025	100,000	80,000		20,000					100,000	80,000		20,000	
2	Cải tạo Nghĩa trang	xã Nghĩa Hiệp		2024-2025	44, 09/01/2025	213,250	127,950		85,300					213,250	127,950		85,300	
II.2	Xã Nghĩa Phương						1.300,000	1.040,000	0,000	260,000	0,000	0,000	0,000	1.300,000	1.040,000	0,000	260,000	
1	Nội Kênh N12-VC4	xã Nghĩa Phương	700 m	2023 - 2025	17, 09/01/2025	1.000,0	800,0		200,0	0	0	0	0	1.000,0	800,0		200,0	
2	BTXM đường TCNĐ đồng Cỏ Cò thôn An Đại 1	xã Nghĩa Phương	120 m	2023 - 2025	18, 09/01/2025	300,0	240,0		60,0					300,0	240,0		60,0	
II.3	Xã Nghĩa Thương						1.100,3	880,2	0,0	220,1	0,0	0,0	0,0	1.100,3	880,2	0,0	220,1	
1	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Tré	xã Nghĩa Thương	600 m	2023-2025	36, 10/01/2025	1.100,3	880,2		220,1					1.100,3	880,2		220,1	
II.4	Xã Nghĩa Kỳ						510,0	408,0	0,0	102,0	-	-	-	510,000	408,000	-	102,000	
1	KCH kênh VC4-6-2.1	xã Nghĩa Kỳ	400 m	2023-2025	20, 09/01/2025	510,0	408,0		102,0					510,000	408,000		102,0	
II.5	Xã Nghĩa Hoà						630,125	504,100	0,000	126,025	0,000	0,000	0,000	630,125	504,100	0,000	126,025	
1	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào – Khánh Lạc	xã Nghĩa Hoà	1060 m	2023-2025	09, 06/01/2025	630,125	504,100		126,025					630,125	504,100		126,025	
II.6	Xã Nghĩa Thắng						842,600	639,200	0,000	203,400	0,000	0,000	0,000	842,600	639,200	0,000	203,400	
1	Nhà văn hóa thôn An Hòa Bắc	xã Nghĩa Thắng		2023-2025	19, 09/01/2025	842,600	639,200		203,400					842,600	639,200		203,400	
II.7	Xã Nghĩa Thuận						1.343,400	1.074,720	0,000	268,680	0,000	0,000	0,000	1.343,400	1.074,720	0,000	268,680	
1	Bê tông KCH kênh Hồ Tac-Gò Găng-Trại Hồ	xã Nghĩa Thuận	250 m	2023-2025	16, 10/01/2025	214,4	171,5		42,9					214,4	171,5		42,9	
2	Kiên cố hóa kênh Bm2-5	xã Nghĩa Thuận	308m	2023-2025	17, 10/01/2025	459,0	367,2		91,8	0	0	0	0	459,0	367,2		91,8	
3	Bê tông KCH kênh Bm2-3 (Hóc Đập)	xã Nghĩa Thuận	700 m	2023-2025	18, 10/01/2025	670,0	536,0		134,0					670,0	536,0		134,0	
II.8	Xã Nghĩa Điện						1.259,945	1.007,956	0,000	251,989	0,000	0,000	0,000	1.259,945	1.007,956	0,000	251,989	
1	KCH kênh N8-VC6	xã Nghĩa Điện	450 m	2023-2025	11, 09/01/2025	375,545	300,436		75,109					375,545	300,436		75,109	
2	KCH Kênh N6-7- 1 (tươi đồng Bầu Nhà)	xã Nghĩa Điện	915m	2023-2025	10, 09/01/2025	884,400	707,520		176,880					884,400	707,520		176,880	
II.9	Xã Nghĩa Sơn						1.493,7	1.194,9	-	298,7	-	-	-	1.493,7	1.194,9	-	298,7	
1	Đường BTXM: Tuyến nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 3)	xã Nghĩa Sơn	350 m	2023-2025	21, 09/01/2025	609,3	487,4		121,9					609,3	487,4		121,9	
2	BTXM tuyến đường Ông Hồng đến đập 19/5	xã Nghĩa Sơn	600 m	2023-2025	20, 09/01/2025	884,4	707,5		176,9					884,4	707,5		176,9	